

NHỮNG NGUYÊN TẮC TRONG TƯ TƯỞNG CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG KHỐI ĐOÀN KẾT TÔN GIÁO

TRẦN ĐÌNH THẢO (*)

NGÔ MINH THUẬN (**)

Xây dựng khối đoàn kết tôn giáo là nhiệm vụ quan trọng trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Trong bài viết này, tác giả đã luận giải nhằm làm rõ những nguyên tắc trong tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng khối đoàn kết tôn giáo. Đó là: 1) Lấy lợi ích của toàn dân tộc và quyền lợi căn bản của con người làm mẫu số chung trong xây dựng khối đoàn kết tôn giáo; 2) Tôn trọng và đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân; 3) Phân biệt tổ chức, cá nhân giáo dân chân chính với tổ chức và cá nhân giả danh tôn giáo; 4) Đoàn kết tôn giáo phải lâu dài, thật thà, chân thành, hữu ái.

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận thấy, cách mạng Việt Nam muốn thành công và thành công đến nơi thì điều cốt yếu là phải xây dựng khối đoàn kết toàn dân; đặc biệt là đoàn kết tôn giáo. Vì vậy, Người đã nghiên cứu và đưa ra những nguyên tắc, chuẩn mực góp phần xây dựng thành công khối đoàn kết tôn giáo trong nhân dân, làm cho “*nước vinh, đạo sáng*”, đó là:

1. Lấy lợi ích của toàn dân tộc và quyền lợi căn bản của con người làm mẫu số chung trong xây dựng khối đoàn kết tôn giáo

Đây là một trong những nguyên tắc đúng đắn, sáng tạo trong tư tưởng xây dựng khối đoàn kết tôn giáo của Hồ Chí Minh, đảm bảo tính thống nhất biện chứng giữa cái chung và cái riêng; đó là sự thống nhất giữa lợi ích của quốc gia dân tộc với quyền lợi riêng của mỗi con

người. Cốt lõi của nguyên tắc trên là xử lý một cách đúng đắn các mối quan hệ biện chứng giữa hàng loạt các phạm trù, các mối quan hệ xã hội: “*Cá nhân và tập thể*”; “*gia đình và xã hội*”, “*bộ phận và toàn thể*”, “*giai cấp và dân tộc*”, “*vô thần và hữu thần*”, “*quốc gia và quốc tế*”...

Trong quá trình vận động đồng bào theo tín ngưỡng, tôn giáo hoặc không theo tín ngưỡng, tôn giáo tham gia xây dựng khối đoàn kết tôn giáo, Người luôn chủ động tìm kiếm những điểm “*tương đồng*”; sau đó dùng cái tương đồng để khắc chế cái “*dị biệt*”. Người không đặt các sự việc trong tính đối lập, mâu thuẫn hoặc loại trừ nhau; không khoét sâu cái dị biệt về thế giới quan, hệ tư tưởng, nhu cầu tín ngưỡng, đối tượng thờ cúng... mà luôn tìm kiếm sự

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Trưởng khoa, Trường Đại học Nội vụ Hà Nội.

(**) Thạc sĩ, Học viện Chính sách và Phát triển.

thống nhất, tương đồng về lợi ích chung cho toàn thể dân tộc. Vì vậy, trong quá trình làm cách mạng và vận động quần chúng nhân dân tham gia xây dựng khối đoàn kết tôn giáo, để tránh hiểu lầm, Hồ Chí Minh đã có nhiều bài viết, bài nói thể hiện quan điểm của Người về các vấn đề tôn giáo. Trong thư gửi Giám mục Lê Hữu Từ, Người viết: “Chủ nghĩa duy linh và chủ nghĩa duy vật là ngược nhau, nhưng không phải như vậy mà bài xích nghi kỵ, đối lập nhau, cần phải tôn trọng tự do tín ngưỡng và tự do ngôn luận”(1); hay trong thư gửi Hội nghị đại biểu hội Phật giáo thống nhất Việt Nam ngày 28 - 9 - 1964, Người nói: “Đồng bào Phật giáo cả nước, từ Bắc đến Nam, đều cố gắng thực hiện lời Phật dạy là: “Lợi lạc quần sinh, vô ngã vị tha”(2). Chính thái độ ứng xử chân thành, hữu ái của Người đã lay động tình cảm của hàng ngũ giáo chủ, giáo sĩ, nhà tu hành và các tín đồ yêu nước. Cho nên, vị giám mục Lê Hữu Từ đã có quan điểm của riêng mình về tôn giáo: “Về phần tôi, tôi không bao giờ tin rằng đồng bào Công giáo chống lại Việt Minh, đồng bào Công giáo thiết tha với nền độc lập của Tổ quốc và tự do tín ngưỡng thật đầy đủ và tôi cũng tin rằng mọi người đều tuân theo khẩu hiệu phụng sự Thiên Chúa và Tổ quốc”(3).

Quan điểm trên cho thấy, ở Hồ Chí Minh có những điểm khác với các bậc tiền bối cách mạng đi trước, đó là sự mềm dẻo, linh hoạt, khéo léo và cách ứng xử có văn hóa trong phương thức tập hợp lực lượng cách mạng toàn dân

tộc; đặc biệt là tinh thần đoàn kết, nhân ái, bao dung, độ lượng trong quá trình xây dựng khối đoàn kết tôn giáo, dân tộc gắn với phương châm: “*Đoàn kết tôn giáo, hoà hợp dân tộc*”. Nhà triết học Singô Sibata người Nhật Bản đã nhận xét: “Cống hiến nổi tiếng của Cụ Hồ Chí Minh là ở chỗ Người đã phát hiện quyền lợi của con người thành quyền lợi của dân tộc. Như vậy, tất cả mọi dân tộc đều có quyền tự quyết định lấy vận mệnh của mình và tất cả mọi dân tộc đều có thể và cần phải thực hiện nền độc lập tự chủ. Sự khẳng định này gắn liền với những cống hiến lý luận về vấn đề dân tộc và thuộc địa, và có được điều đó là do Cụ Hồ Chí Minh đã nhận thức đầy đủ những đặc thù dân tộc của các nước thuộc địa và phụ thuộc”(4).

2. Tôn trọng và đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân trong xây dựng khối đoàn kết tôn giáo

Quyền tự do là một quyền cơ bản của con người. Đây là một phạm trù rộng lớn đã được ghi nhận trong *bản Tuyên ngôn độc lập* của nước Mỹ năm 1776 và *bản Tuyên ngôn dân quyền và nhân quyền* của Pháp năm 1789. Điều này

(1) Trần Tam Tĩnh. *Thập giá và lưỡi gươm*. Nxb Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, 1998, tr.65.

(2) Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, t.11. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004, tr.315.

(3) Trần Tam Tĩnh. *Thập giá và lưỡi gươm*. Sđd., tr.71.

(4) Dẫn theo: Phùng Hữu Phú, Vũ Dương Ninh, Lê Mậu Hãn, Phạm Xanh. *Chiến lược đại đoàn kết Hồ Chí Minh*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.135-136.

cũng được chủ nghĩa Mác – Lênin thừa nhận trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* năm 1848: Sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người. Đến năm 1948, trong *Tuyên ngôn nhân quyền* của tổ chức Liên hợp quốc, tại Điều 18 khẳng định: “Mọi người có quyền tự do suy nghĩ, tự do tín ngưỡng và tự do tôn giáo”. Tiếp đó, năm 1981, Liên hợp quốc thông qua Tuyên bố về loại bỏ tất cả các hình thức định kiến về phân biệt đối xử tự do tôn giáo hay tín ngưỡng (*U.N. Declaration on the Elimination of All forms of Intolerance and Discrimination Based on Religion or Belief*); hay trong Điều 12 Công ước châu Mỹ năm 1969 về nhân quyền cũng đề cập những nội dung tương tự về tự do tôn giáo.

Căn cứ pháp lý trên cho thấy, trong các quyền của con người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; tức là tự xác lập theo một đức tin tín ngưỡng, tôn giáo nhất định hoặc không theo một đức tin tín ngưỡng, tôn giáo nào. Đây là nhu cầu tinh thần không thể thiếu đối với một bộ phận không nhỏ quần chúng nhân dân lao động, là sự thiêng liêng trong tâm linh con người, không ai được xâm phạm hoặc làm tổn hại đến. Do đó, để làm cho quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân trở thành hiện thực sinh động trong đời sống tinh thần, Hồ Chí Minh đã rất quan tâm tới pháp luật, coi đó là công cụ để thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân. Cho nên, ngay sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, Nhà nước

Việt Nam dân chủ cộng hoà non trẻ vừa mới ra đời, Hồ Chí Minh đã chủ trương hiện thực hoá quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo bằng văn bản, pháp luật Việt Nam. Cụ thể, tại Hiến pháp đầu tiên năm 1946 ở chương II, mục B đã ghi rõ: “Mọi công dân Việt Nam có quyền tự do tín ngưỡng”. Trong bài phát biểu bế mạc buổi ra mắt của Đảng Lao động Việt Nam ngày 3 - 3 - 1951, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: Vấn đề tôn giáo thì Đảng Lao động Việt Nam hoàn toàn tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng của mọi người. Ngoài ra, ngày 14 - 6 - 1955, Người còn trực tiếp ký Sắc lệnh đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân gồm 5 chương, 16 điều quy định rõ quyền lợi và nghĩa vụ của tôn giáo; trong đó quy định quyền được tự do tín ngưỡng, tôn giáo; quyền được xuất bản kinh bản và sách báo; quyền được mở trường đào tạo những người hoạt động tôn giáo... trên cơ sở pháp luật của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Đồng thời, Sắc lệnh cũng quy định rõ nghĩa vụ của các tôn giáo đối với Tổ quốc. Tại Điều 1, Sắc lệnh 234/SL ghi rõ: “Khi truyền bá tôn giáo, các nhà tu hành có nhiệm vụ giáo dục các tín đồ lòng yêu nước, nghĩa vụ của người công dân, ý thức tôn trọng chính quyền dân chủ và pháp luật của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà”. Đáp lại tình cảm của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với đồng bào tín đồ các tôn giáo, linh mục Trần Tam Tỉnh thay mặt đồng bào giáo dân đã nhận xét về Người như sau: “Suốt cuộc đời tham chính của Người,

Cụ Hồ là một người yêu nước trên hết mọi sự... Các lời lẽ Cụ phê phán giáo hội không bao giờ chạm tới khía cạnh đức tin, nhưng chỉ nằm trong phạm vi các vấn đề cơ chế và chính trị”(5). Hay trong cuốn *Đối thoại với Hồ Chí Minh* của một tác giả người Pháp có nhận xét: “Về phần tôi, phải nói rằng, chưa bao giờ tôi có cơ để nhận thấy nơi các chương trình của Cụ Hồ Chí Minh một dấu vết nào, dù rất nhỏ của sự công kích, đa nghi hoặc chế giễu với bất kỳ một tôn giáo nào”(6). Như vậy, với thái độ tôn trọng và đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và không tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân, tư tưởng Hồ Chí Minh đã phản ánh tinh thần dân chủ và nhân văn sâu sắc. Đây là tư tưởng hết sức đúng đắn, vừa đảm bảo lợi ích dân tộc vừa không làm ảnh hưởng tới tình cảm, đức tin của đồng bào tôn giáo. Quan điểm *tôn trọng và đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo* của Hồ Chí Minh đã trở thành nguyên tắc có tính quy luật trong xây dựng khối đoàn kết tôn giáo, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu giải phóng dân tộc, giai cấp, con người. Ngày nay, trong công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, quan điểm trên của Hồ Chí Minh vẫn còn nguyên giá trị, góp phần quan trọng vào công tác xây dựng khối đoàn kết tôn giáo, dân tộc và thực hiện thắng lợi mục tiêu chung của dân tộc Việt Nam: “*Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh*”(7).

3. Phân biệt tổ chức, cá nhân giáo dân chân chính với tổ chức và cá nhân giả danh tôn giáo

Một trong những vấn đề có tính nguyên tắc trong xây dựng khối đoàn kết tôn giáo, đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh là phải phân biệt rõ tổ chức, cá nhân giáo dân chân chính với tổ chức và cá nhân giả danh tôn giáo. Mục đích là nhằm đấu tranh và ngăn ngừa các phần tử cơ hội, xét lại muốn lợi dụng những kẽ hở trong việc thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng để đầu cơ, trục lợi hòng phá hoại khối đoàn kết tôn giáo, dân tộc, làm phương hại đến lợi ích của Tổ quốc và nhân dân. Do đó, để làm tốt nhiệm vụ trên, đòi hỏi người cách mạng chân chính phải phân biệt được “*bạn - thù*”, “*chính - tà*”; phân biệt được đâu là tổ chức giáo dân chân chính và đâu là tổ chức giả danh tôn giáo. Vì vậy, ngay từ những năm 20 của thế kỷ XX, Hồ Chí Minh đã có quan điểm rất rõ về vấn đề trên. Trong tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp*, Người đã vạch trần bộ mặt giả danh của các giáo hội Công giáo ở Đông Dương do thực dân Pháp dựng lên để làm tay sai cho Pháp. Người nói: “Và nếu Chúa bất hạnh đã chịu đóng đinh trên cây thánh giá trở về cõi thế này, thì chắc Ngài sẽ

(5) Trần Tam Tĩnh. *Tác phẩm Thiên Chúa và Hoàng đế*. Nxb Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, 1990, tr.76.

(6) Dẫn theo: Đỗ Quang Hưng. *Vấn đề tôn giáo trong cách mạng Việt Nam: Lý luận và thực tiễn*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2008, tr.119.

(7) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.70.

vô cùng ngao ngán khi thấy “các môn đồ trung thành” của mình thực hiện đức khổ hạnh như thế nào: giáo hội Xiêm chiếm đoạt một phần ba diện tích ruộng đất canh tác trong xứ; giáo hội Nam Kỳ chiếm một phần năm, giáo hội Bắc Kỳ, chỉ riêng ở Hà Nội đã chiếm một phần tư đất đai, cộng thêm một cái vốn bé xíu 10 triệu phrăng”(8).

Bên cạnh đó, Hồ Chí Minh còn phân biệt rõ những người giáo dân chân chính với những kẻ giả danh tôn giáo để có phương pháp đấu tranh cho đúng, trong đó tiêu chí để phân biệt là “hãy xem họ làm, và đừng vội nghe họ nói”, tức là phải dựa vào suy nghĩ, hành động cụ thể chứ không dựa vào vài ba lời lẽ xu nịnh gây ra sự bất hoà trong Đảng và trong nhân dân. Người khẳng định, giáo dân chân chính là những người yêu nước có tinh thần dân tộc, đoàn kết hoà mình vào cuộc kháng chiến, kiến quốc. Kẻ giả danh tôn giáo là giả Chúa, phản quốc, cam tâm làm tay sai cho giặc. Vì vậy, để phân biệt rõ “bạn - thù”, phân biệt giữa những người giáo dân chân chính với những kẻ giả danh tôn giáo, Người luôn nhấn mạnh tới vai trò và trách nhiệm của đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo, công tác dân vận phải có ý thức bền bỉ, kiên trì mới có thể giúp giáo dân phân biệt được “chính - tà”, “bạn - thù” rõ ràng, dứt khoát.

Thực tế trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh đã kiên trì, bền bỉ đấu tranh chống lại những kẻ giả danh tôn giáo nhằm bảo vệ khối đoàn kết tôn giáo, dân tộc; đồng

thời “tẩy trừ những bọn phản Chúa, phản quốc, hại dân”. Người nói: “Những người Công giáo Việt Nam theo Pháp và bù nhìn, làm hại đồng bào, chẳng những là Việt gian, mà cũng là giáo gian. Còn những đồng bào Công giáo kháng chiến mới là tín đồ chân chính của Đức Chúa, vì những đồng bào ấy thật thà *phụng sự Đức Chúa, phụng sự Tổ quốc*”(9); “Cũng như Ngô Đình Diệm là người Công giáo, cũng giống như Giuđa là người Công giáo. Ngô Đình Diệm đã lợi dụng Chúa để làm ô danh Chúa, lợi dụng đồng bào để giết hại đồng bào”(10).

Ngoài việc kiên quyết đấu tranh vạch trần các tổ chức và cá nhân giả danh tôn giáo hòng phá hoại khối đoàn kết tôn giáo, dân tộc, Hồ Chí Minh còn bao dung độ lượng, vị tha cho những kẻ lầm đường, lạc lối. Bằng tấm lòng chân tình, ngày 24 - 4 - 1957, trong buổi nói chuyện với cán bộ tỉnh Nam Định, Người nói: “Nhân dân ta bất kỳ lương hay giáo đều tốt cả, nhưng hiện nay trong đồng bào theo đạo Thiên Chúa có bọn lợi dụng tôn giáo chia rẽ, lừa bịp, đe dọa nên tạm thời chí khí đấu tranh của đồng bào có bị mờ đi, nếu ta kiên nhẫn thì sẽ giác ngộ, tranh thủ được đồng bào”(11). Bên cạnh đó, Người luôn căn

(8) Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, t.2. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004, tr.102 - 103.

(9) Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, t.6. Sđd., tr.443.

(10) Xem: Lê Hữu Nghĩa, Nguyễn Đức Lữ (đồng chủ biên). *Tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo và công tác tôn giáo*. Nxb Tôn giáo, Hà Nội, 2003, tr.25.

(11) Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, t.8. Sđd., tr.345.

dẫn cán bộ, đảng viên, những người làm công tác mặt trận, công tác dân vận phải làm tốt nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao phó để thêm bạn, bớt thù; đồng thời, phải thường xuyên nâng cao cảnh giác, đấu tranh để phân biệt rõ “bạn – thù”, “chính - tà”. Điều này liên quan trực tiếp đến thành công hay thất bại của cách mạng Việt Nam. Đây là một trong những nguyên tắc cơ bản của Hồ Chí Minh trong xây dựng khối đoàn kết tôn giáo, vừa thể hiện tinh thần cách mạng triệt để, vừa thể hiện tinh thần nhân đạo sâu sắc; đặc biệt là đức khoan dung cộng sản chủ nghĩa - tất cả cho con người, vì con người. Một nhà thơ Xôviết đã nhận xét: “Từ Nguyễn Ái Quốc tỏa ra một nền văn hóa, không phải như văn hóa Âu châu mà có lẽ là một nền văn hóa tương lai...”(12).

4. Đoàn kết tôn giáo phải lâu dài, thật thà, chân thành, hữu ái

Trong quá trình xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, Hồ Chí Minh nhận thấy đoàn kết tôn giáo là một bộ phận quan trọng không thể tách rời, yếu tố cấu thành nên khối đại đoàn kết toàn dân tộc, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu giải phóng dân tộc, giai cấp, con người. Vì vậy, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ rằng, muốn vận động được toàn dân, nhất là đồng bào tôn giáo đi theo cách mạng thì phải thật thà, chân thành, hữu ái không phân biệt giàu nghèo, tín ngưỡng, tôn giáo, đảng phái. Tất cả mọi người đều phải cộng tác vì nước, vì dân. Trong bài phát biểu bế

mạc buổi ra mắt của Đảng Lao động Việt Nam ngày 3 - 3 - 1951, Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Mục đích của Đảng Lao động Việt Nam có thể gồm 8 chữ là: *Đoàn kết toàn dân, phụng sự Tổ quốc*”(13).

Mặt khác, xuất phát từ thực tiễn tình hình cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh nhận thấy, cách mạng Việt Nam là một cuộc chiến đấu gian khổ, lâu dài, phải kinh qua nhiều giai đoạn. Vì vậy, Người chủ trương đoàn kết tôn giáo, dân tộc là một chiến lược, không phải là một sách lược tạm thời. Đoàn kết phải thật rộng rãi và lâu dài, không bè phái, không vì tư lợi riêng mà phải dựa trên lập trường thân ái của giai cấp vô sản. Trong buổi trả lời phóng viên thông tấn Press Trust (Ấn Độ), Hồ Chí Minh đã tuyên bố một cách thẳng thắn, rõ ràng về quan điểm của Người và Đảng Cộng sản Việt Nam: “Củng cố hoà bình, thực hiện thống nhất, độc lập, dân chủ trong toàn quốc. Trong sự thi hành nhiệm vụ đó, chúng tôi sẵn sàng hợp tác thành thật với tất cả những nhân vật hoặc nhóm Việt Nam nào tán thành ủng hộ những mục đích đó, bất kể xu hướng chính trị và tín ngưỡng khác nhau”(14).

Không dừng lại ở đó, Hồ Chí Minh còn khẳng định nhất quán đoàn kết tôn giáo không phải là một thủ đoạn chính trị, mà vì lợi ích chung của toàn dân tộc. Cho nên, trong Hội nghị đại biểu

(12) Dẫn theo: Đào Phan. *Hồ Chí Minh danh nhân văn hoá*. Nxb Văn hoá, Hà Nội, 1991, tr.7.

(13) Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, t.6. Sđd., tr.183.

(14) Hồ Chí Minh. *Sđd.*, t.7, tr.436.

Mặt trận Liên - Việt toàn quốc 10 - 1 - 1955, Người nói rõ lập trường thân ái, khoan dung độ lượng trong xây dựng khối đoàn kết: “Bất kỳ ai mà thật thà tán thành hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ thì dù những người đó trước đây chống chúng ta, bây giờ chúng ta cũng thật thà đoàn kết với họ”(15). Đồng thời, Hồ Chí Minh khẳng định: “Đoàn kết của ta không những rộng rãi mà còn là đoàn kết lâu dài. Đoàn kết là một chính sách dân tộc không phải là một thủ đoạn chính trị. Ta đoàn kết để đấu tranh cho sự thống nhất và độc lập của Tổ quốc, ta còn phải đoàn kết để xây dựng nước nhà. Ai có tài, có đức, có sức, có lòng phụng sự Tổ quốc và phục vụ nhân dân thì ta đoàn kết với họ”(16).

Để hiện thực hóa chiến lược đại đoàn kết toàn dân, Hồ Chí Minh đã thường xuyên nhắc nhở cán bộ, đảng viên phải thấm nhuần tư tưởng lấy dân làm gốc, phải gần gũi quần chúng nhân dân, phải lắng nghe và tin tưởng quần chúng nhân dân, coi sức mạnh của cách mạng là ở nơi quần chúng; phải thấm nhuần lời dạy của V.I.Lênin rằng, *cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân*. Quan điểm trên cho thấy, Người không chỉ kế thừa và phát huy truyền thống đoàn kết, tương thân, tương ái của dân tộc Việt Nam, mà còn vận dụng sáng tạo những bài học kinh nghiệm trong việc tập hợp lực lượng cách mạng của chủ nghĩa Mác – Lênin nhằm cứu nước, giải phóng dân tộc. Nói về Người, Hêlen Tuốcmêrơ cho rằng, “Hồ Chí Minh là

hình ảnh hoàn chỉnh của sự kết hợp: Đức khôn ngoan của Phật, lòng bác ái của Chúa, triết học của Mác, thiên tài cách mạng của Lênin và tình cảm của người chủ gia tộc - tất cả đều hòa hợp trong một dáng dấp tự nhiên”(17).

Ngày nay, nước ta đang chủ động và tích cực hội nhập quốc tế với cả những vận hội mới lẫn những khó khăn và thử thách khôn lường. Vì vậy, để xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng và văn minh thì việc thực hiện tự do tín ngưỡng, tôn giáo, đoàn kết tôn giáo theo tư tưởng Hồ Chí Minh càng trở nên có ý nghĩa và cần thiết. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết tôn giáo vẫn còn nguyên giá trị, là cơ sở quan trọng để Đảng và Nhà nước ta xây dựng và thực hiện chính sách đoàn kết tôn giáo. Vấn đề đặt ra là, mỗi bộ phận trong hệ thống chính trị phải cùng phối hợp thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng, theo hoặc không theo tôn giáo của công dân. Đồng thời, chúng ta phải đấu tranh ngăn chặn các hoạt động mê tín dị đoan, các hành vi đội lốt tôn giáo, lợi dụng chiêu bài nhân quyền, tự do tín ngưỡng hòng phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân, làm phương hại đến lợi ích chung của đất nước. □

(15) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.7, tr.438.

(16) Hồ Chí Minh. *Sđđ.*, t.7, tr.438.

(17) Dẫn theo: Phạm Xuân Mỹ (chủ biên). *Tư tưởng Hồ Chí Minh - trích tác phẩm và văn kiện Đảng* (Lưu hành nội bộ). Học viện Báo chí và Tuyên truyền, 2001, tr.7.